CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO

Ngày 30/09/2025	40,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.3%	**-1.4%**	**-**

DT thuần
Q3/25
34.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼153| -81.7%
YoY: ▼132| -79.4%

LN thuần
Q3/25
2.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▼103| -97.2%
YoY: ▼57.2| -95.1%

LN sau thuế
Q3/25
2.66
tỷ VNĐ
QoQ: ▼82.2| -96.9%
YoY: ▼45.2| -94.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
9.8%
YoY: +/-▼ 46.9%

ROE (TTM)
Q3/25
58.4%
YoY: +/-▼ 12.4%

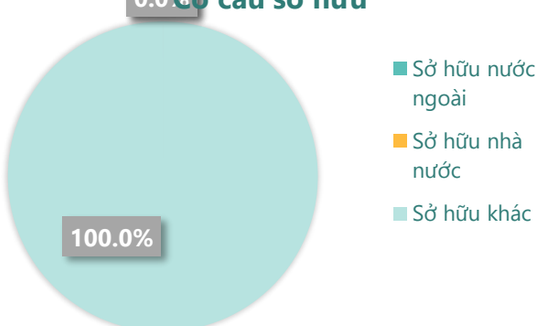
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	27,598 - 51,846
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,242
Số lượng CPLH (CP)	30,599,923
KLGD BQ 20 phiên (CP)	87,500
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.02
EPS	8,397
P/E	4.8

DT thuần
9T 2025
402
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00| 1.6%

LN thuần
9T 2025
182
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.0| 11.5%

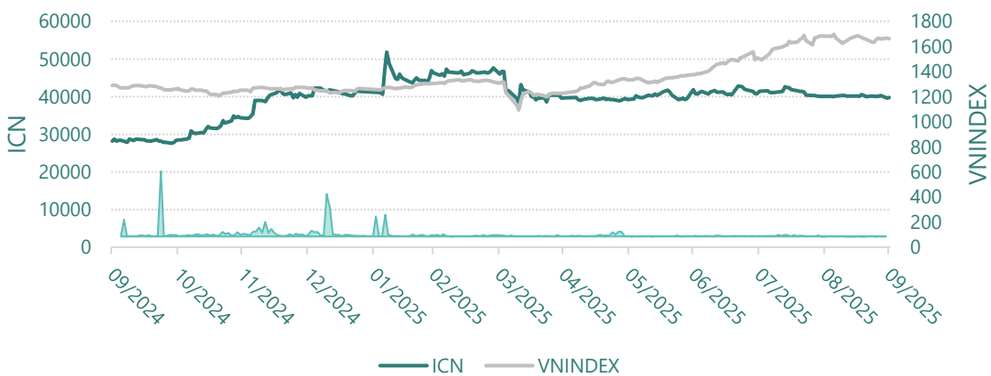
LN sau thuế
9T 2025
146
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.0| 10.9%

Cơ cấu sở hữu

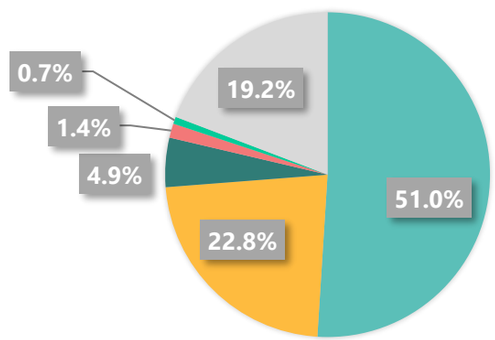


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



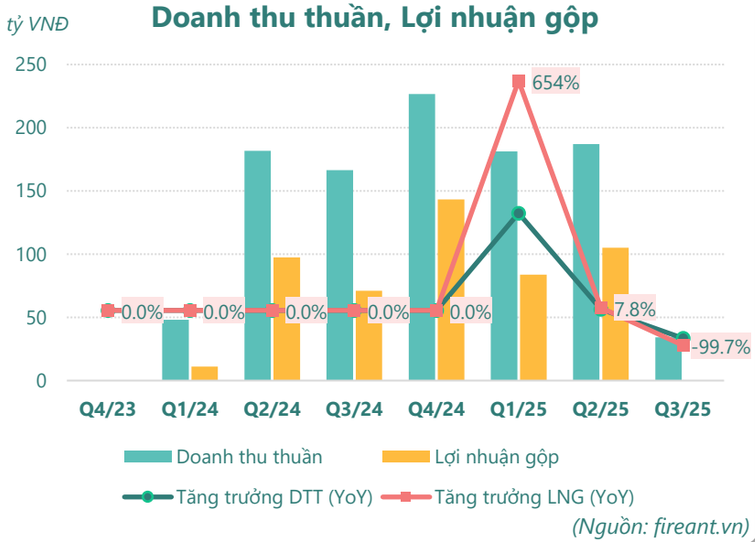
Cơ cấu cổ đông



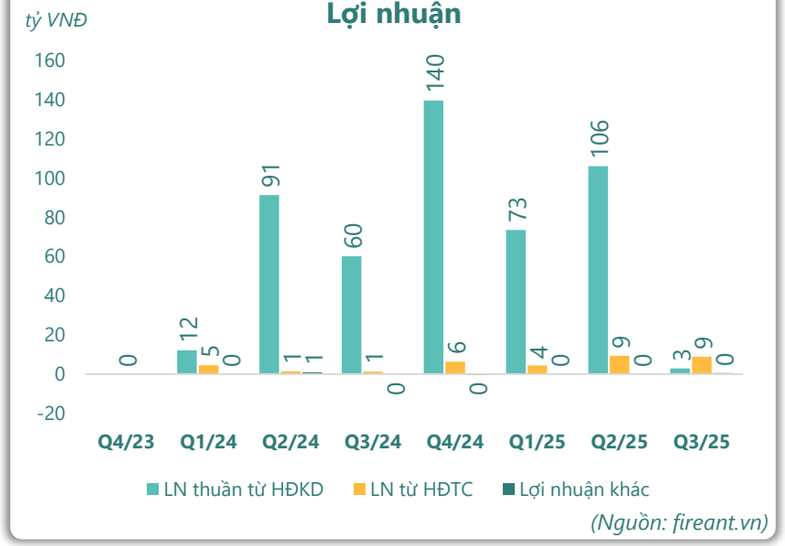
- Tổng công ty IDICO - CTCP
- CTCP Tập đoàn HAYAT Việt Nam
- CTCP Đầu tư Phát triển xây dựng Việt Nam
- Vũ Anh Tuấn (Thành viên HĐQT)
- CTCP Kiểm định xây dựng An Hòa
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

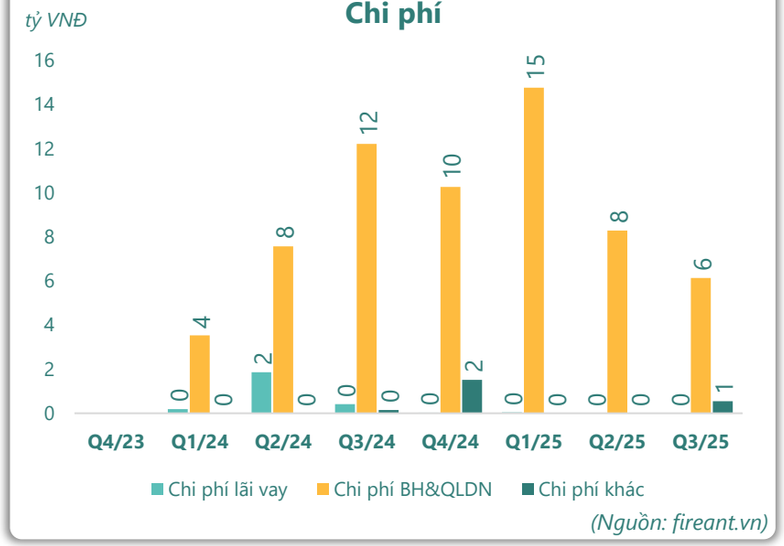
KẾT QUẢ KINH DOANH



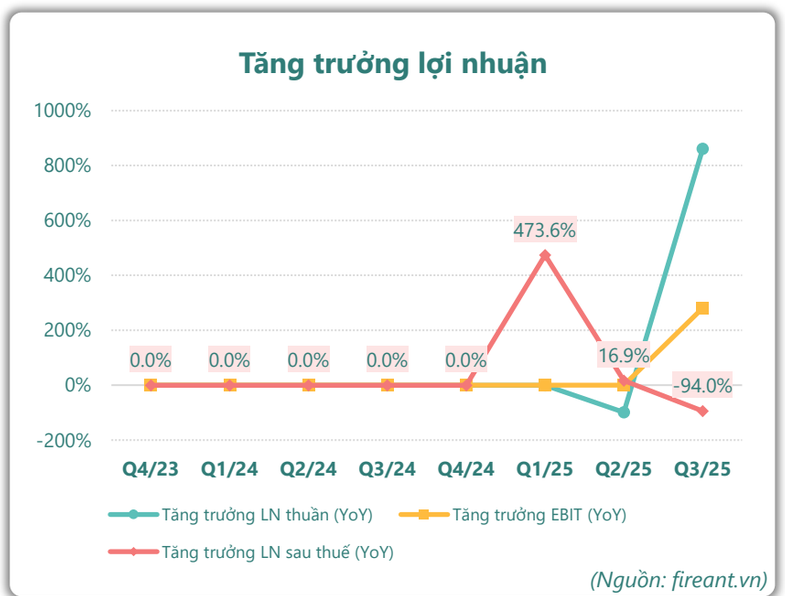
(Nguồn: fireant.vn)



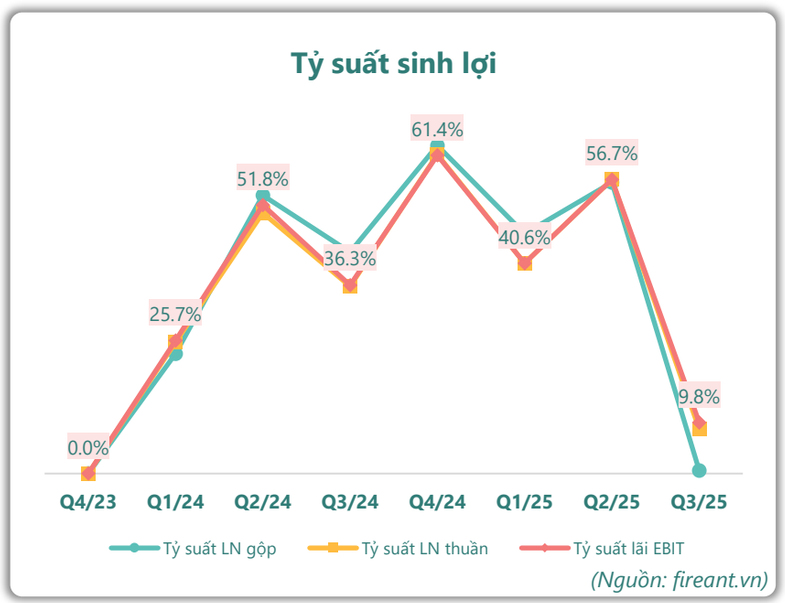
(Nguồn: fireant.vn)



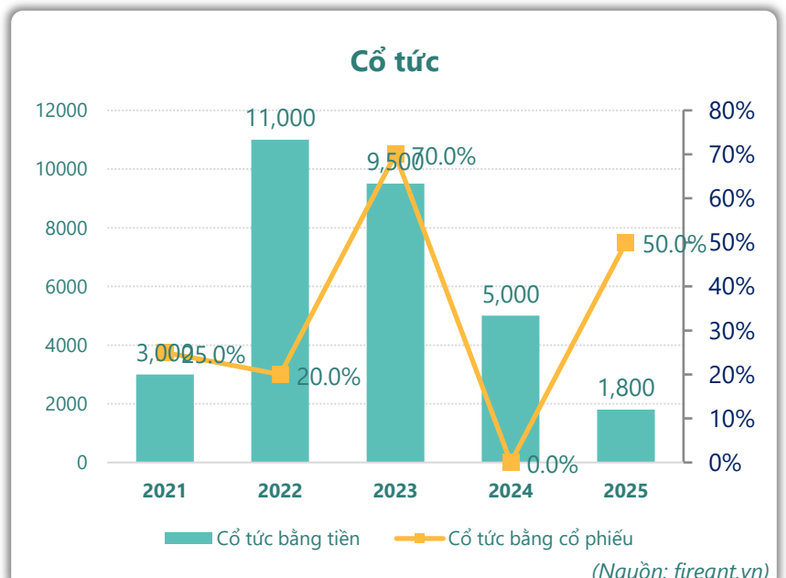
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



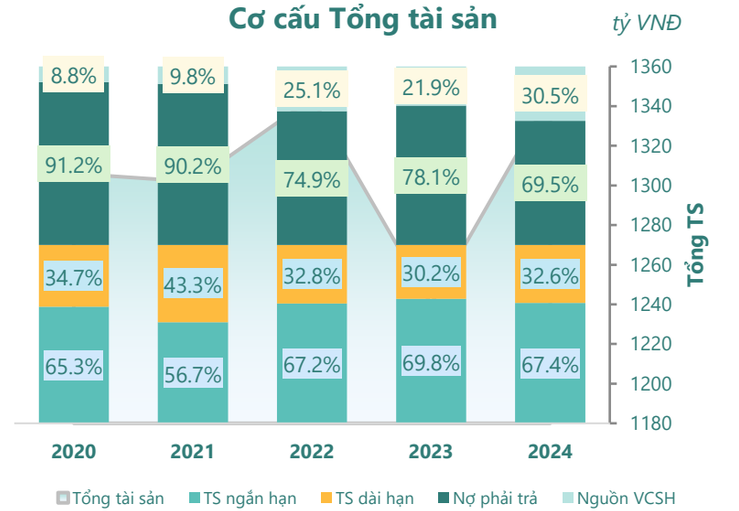
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

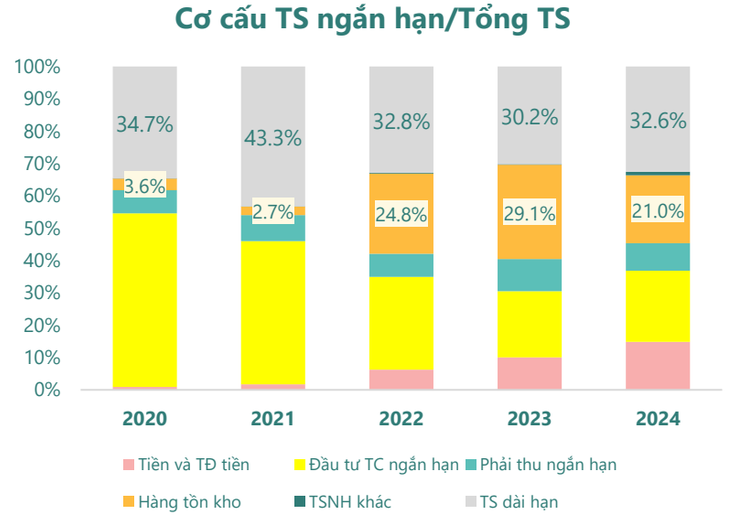
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



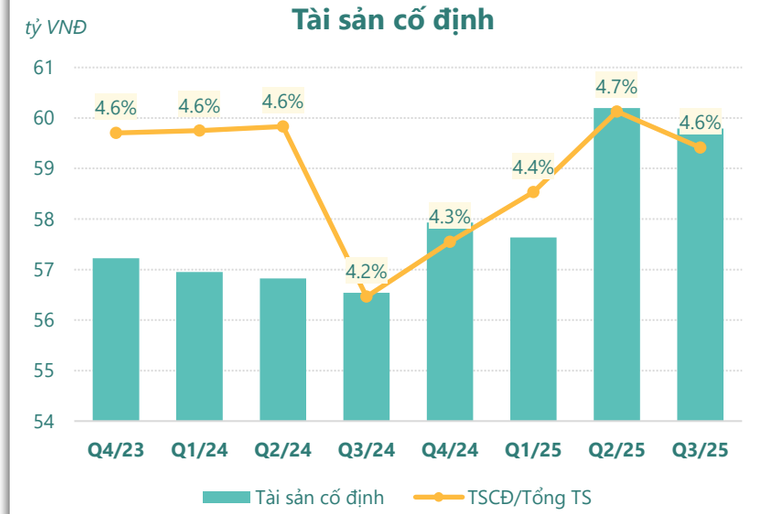
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



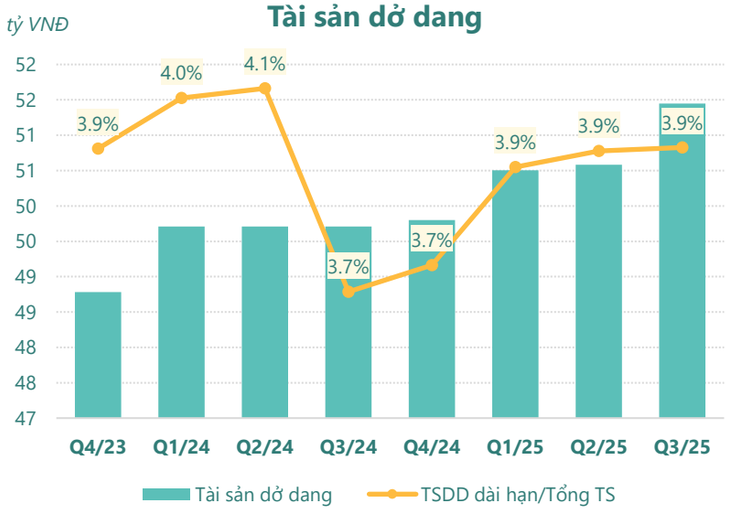
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



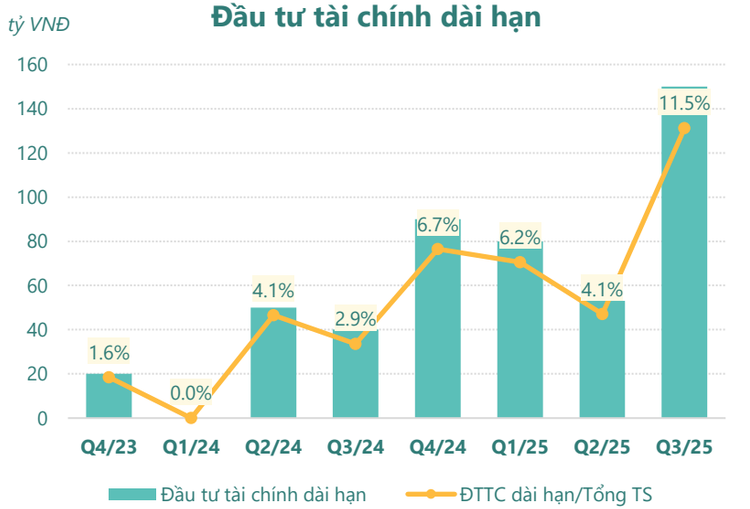
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



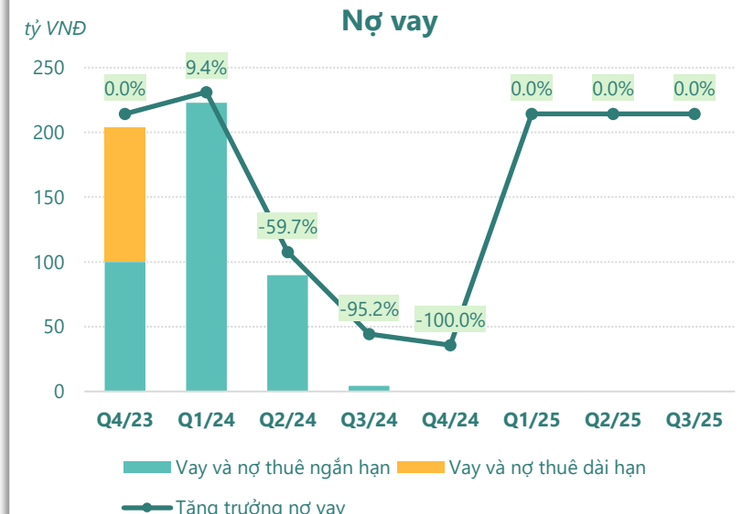
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

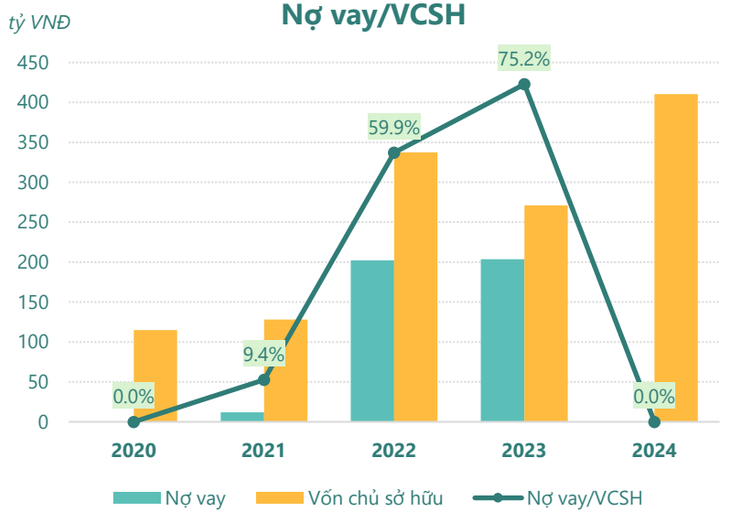
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

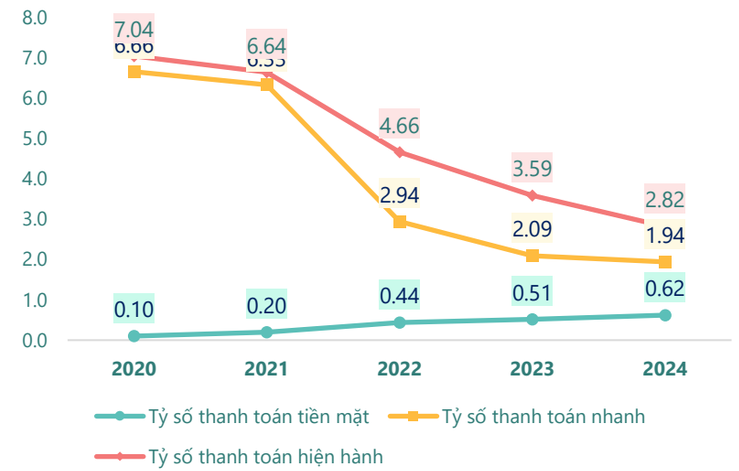
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



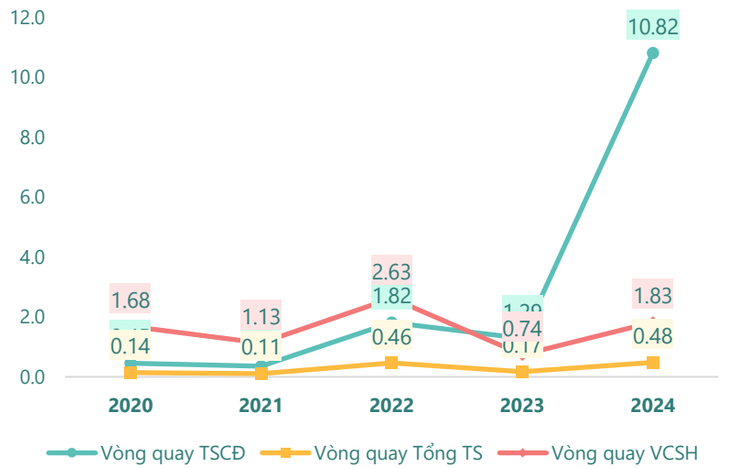
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



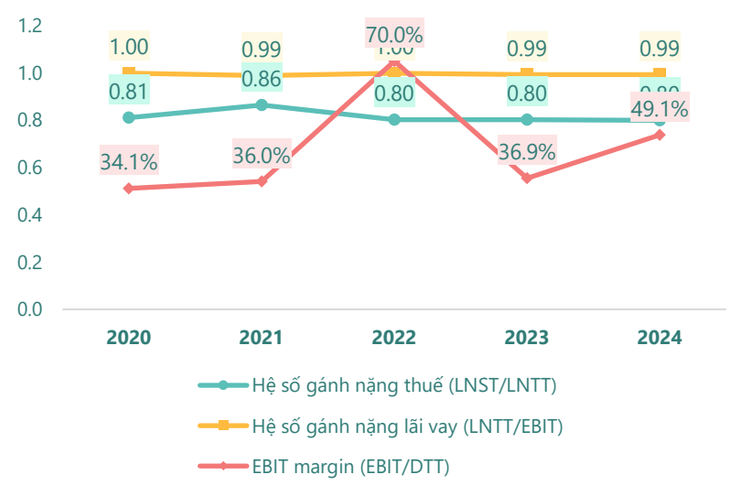
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



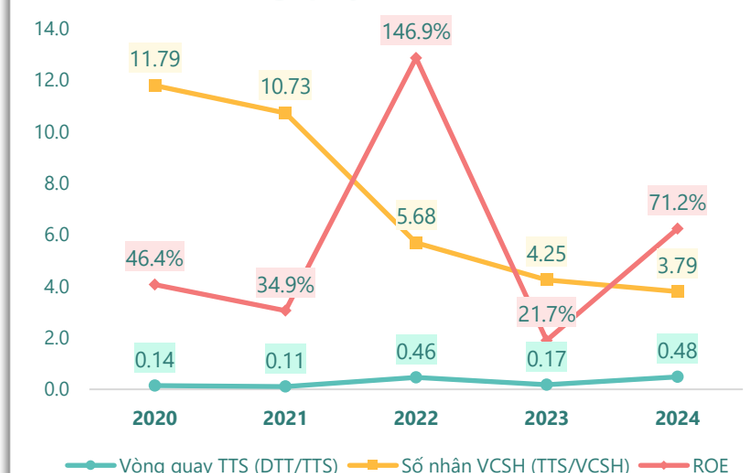
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



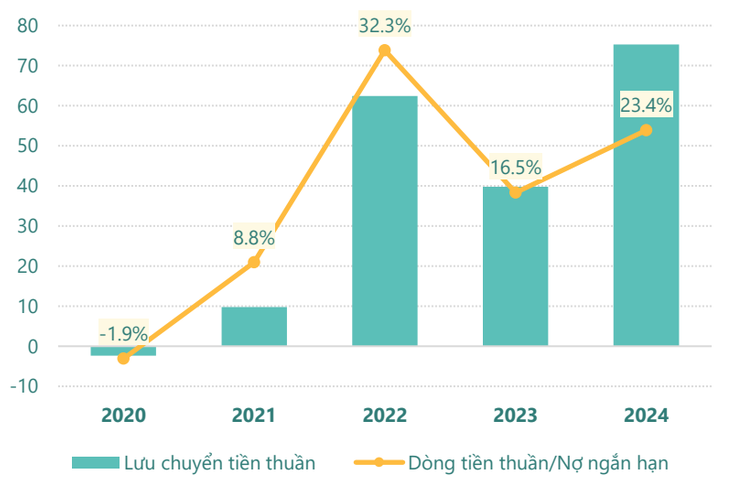
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**34.1**	**166**	**-79.4%**	**402**	**396**	**1.6%**
Giá vốn hàng bán	33.9	95.4	-64.4%	213	217	-1.5%
Lợi nhuận gộp	0.21	71.1	-99.7%	189	180	5.3%
Doanh thu HĐTC	8.85	4.48	97.5%	26.6	13.8	93.4%
Chi phí TC	0	3.22	-100%	4.09	6.51	-37.2%
Chi phí lãi vay	0	0.42	-100%	0.05	2.46	-98.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.12	7.85	-98.5%	13.6	11.5	18.8%
Chi phí QLDN	**6.02**	**4.38**	**37.3%**	**15.6**	**11.8**	**31.3%**
LN thuần từ HĐKD	2.92	60.1	-95.1%	182	164	11.5%
Lợi nhuận khác	**0.43**	**-0.04**	**1176%**	**0.44**	**0.93**	**-52.6%**
LN trước thuế	3.35	60.1	-94.4%	183	165	11.2%
Lợi nhuận sau thuế	**2.66**	**47.9**	**-94.5%**	**146**	**132**	**10.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.66**	**47.9**	**-94.5%**	**146**	**132**	**10.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	146	242	75.4	41.5	68.9	33.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-50.9	-1.50	-77.2	-105	-59.5	-54.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-133	-85.4	-35.0	-40.7	-20.3	0
Tiền đầu kỳ	119	81.0	236	200	95.2	84.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-37.7**	**155**	**-36.9**	**-104**	**-10.9**	**-20.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	-0.06	0.07	0.00	0.04	0.02
Tiền cuối kỳ	81.0	236	200	95.2	84.4	64.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,307**	**1,345**	**-2.8%**
Tài sản ngắn hạn	833	907	-8.1%
Tiền và tương đương tiền	64.0	200	-67.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	469	296	58.5%
Phải thu ngắn hạn	104	115	-9.5%
Hàng tồn kho	194	282	-31.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.74	13.9	-80.3%
Tài sản dài hạn	**474**	**438**	**8.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	59.8	57.9	3.2%
Bất động sản đầu tư	210	235	-10.5%
Tài sản dở dang	51.4	49.8	3.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	150	90.0	66.7%
Tài sản dài hạn khác	**2.59**	**5.69**	**-54.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	799	934	-14.5%
Nợ ngắn hạn	**172**	**322**	**-46.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	15.4	9.46	63.2%
Nợ dài hạn	627	613	2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**509**	**410**	**23.9%**
Vốn chủ sở hữu	**509**	**410**	**23.9%**
Vốn điều lệ	306	204	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)